TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 154/2019/QĐST-HNGĐ	*Cầu Giấy, ngày 17 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212 , Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11/10/2018 hướng dẫn về nghiệp vụ triển khai thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 194/2019/TLST/HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Bùi Chí T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 8, tổ 4 T, phường T, quận H, Thành Phố H.

Dương Thị Bích L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 8, tổ 4 T, phường T, quận H, thành phố H

Hiện đang làm việc tại: Công ty TNHH M Địa chỉ: Số E1 khu A10 KĐT N, phườngT, quận c, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Chí T và chị Dương Thị Bích L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố H ngày 17/01/2002. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh T và chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L hiện đang làm việc tại Công ty TNHH M ; Địa chỉ: số E1 khu A10 KĐT N, phường T quận C thành phố H nên anh T và chị L thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại điểm h, khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Bùi Chí T và chị Dương Thị Bích L có 01 con chung: cháu Bùi Bích P (nữ), sinh ngày 23/8/2003. Ly hôn, anh chị thỏa thuận chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 4/2019 đến khi cháu P đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền thay thế.

Xét thỏa thuận của các bên về con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh T và chị L thống nhất không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ: Anh T và chị L cùng xác nhận không có khoản vay nợ chung nào cả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị L tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nên được ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận nuôi con, tài sản khi ly hôn ngày 09/4/2019 của Trung tâm hòa giải - đối thoại Tòa án nhân dân quận C, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Chí T và chị Dương Thị Bích L.

- *Về con chung*: Anh Bùi Chí T và chị Dương Thị Bích L có 01 con chung: cháu Bùi Bích P (nữ), sinh ngày 23/8/2003. Ly hôn, anh chị thỏa thuận chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) /tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 4/2019 đến khi cháu P đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền thay thế.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung (động sản và bất động sản)*: Anh T và chị L thống nhất không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về nợ:* Anh T và chị L cùng xác nhận không có khoản vay nợ chung nào cả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Dương Thị Bích L nộp cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006900 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND quận C;*
- *Chi cục THADS quận C;*
- *UBND phường T, quận H, thành phố H;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Chu Tuấn Anh